

Số: 08/2023/QĐST-DS

BG, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà NTH, sinh năm 1960 và ông ĐĐQ, sinh năm 1xxx do bà H đại diện theo ủy quyền của ông Q (theo giấy ủy quyền ngày 22/11/2022); cùng cư trú: Tổ x, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN.

- **Bị đơn:** Anh NTH, sinh năm 1973 và chị LTY, sinh năm 1976; cùng cư trú: Thôn Phú Thịnh, xã Lăng Sơn, huyện YD, tỉnh BG.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh NTH và chị LTY có nghĩa vụ trả cho bà NTH và ông ĐĐQ tổng số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) theo các giấy vay tiền ngày 15/7/2009, ngày 19/8/2009 và ngày 14/9/2009, pH án trả nợ cụ thể như sau: Ngày 30/8/2023 (dương lịch) trả số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng).

2.2. Trường hợp một trong các bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thoả thuận trên đây thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 06/5/2023) người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tương xứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Bà NTH và ông DDQ phải chịu 437.500đồng (*Bốn trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

2.4.2. Anh NTH và chị LTY phải chịu 437.500đồng (*Bốn trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NTTH